

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2018/HC-PT

Ngày 08-10-2018

V/v: “*Kiến Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Thanh

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Tuấn

Bà Lê Thúy Cầu

Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Mỹ Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Xuân Thanh, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Hôm nay, ngày 08 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 08/2017/TLPT-HC ngày 18 tháng 10 năm 2017, về việc: “*Kiến Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất*”. Do bản án Hành chính sơ thẩm số 13/2017/HC-ST ngày 16/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08A/2018/QĐXXPT-HC ngày 17 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Trần Văn H, sinh năm 1955 và bà La Thị S, sinh năm 1957; địa chỉ: phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Ông Trần Văn H ủy quyền cho bà Lê Thị S (Theo hợp đồng ủy quyền số 2702 ngày 10/5/2017 của Văn phòng công chứng H) - Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Hà L- Luật sư Văn phòng luật sư H, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: thành phố Hà Nội - Có mặt.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố N; địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Lê Hữu Th, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N là người đại diện theo pháp luật của UBND thành phố N.

Người đại diện ủy quyền của người khởi kiện: Ông **Lê Huy T** - Phó chủ tịch UBND thành phố N - Có đơn xin xét xử vắng mặt (*Văn bản ủy quyền và đơn ngày 30/11/2017*).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Bà **Hồ Thị H** - Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường, có mặt.
- Bà **Nguyễn Diệu H** - Nhân viên Phòng Tài nguyên và môi trường, có đơn xin xét xử vắng mặt.
- Ông **Nguyễn Văn Q** - Phó Trưởng phòng quản lý dự án số 2 - Ban quản lý dự án các công trình xây dựng tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cụ Phan Thị T, sinh năm 1933;
- Anh Trần Quang T1, sinh năm 1977;
- Anh Trần Thanh L, sinh năm 1980;
- Anh Trần Bình T2, sinh năm 1982;
- Anh Trần Tấn H1, sinh năm 1986;
- Chị Phạm Thị N, sinh năm 1986;
- Cháu Trần Phạm Gia H2, sinh năm 2010.

Người đại diện theo pháp luật của cháu H2 là anh Trần Thanh L và chị Phạm Thị N.

Cùng địa chỉ: X, N. Tất cả đều vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Văn H và bà La Thị S

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Trần Văn H và bà La Thị S trình bày:

Năm 1975, hộ gia đình ông Trần Văn H và bà La Thị S tự bồi đắp lô đất có với diện tích là 267,90m² và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế hàng năm theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/3/2016, Ủy ban nhân dân thành phố N (*UBND thành phố N*) ban hành các quyết định:

Quyết định số 1188/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với hộ ông Trần Văn H và bà La Thị S đang sử dụng để thực hiện dự án Chinh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N (*Khu dân cư C, phường X*) với diện tích với diện tích 267,90m² gồm một phần thửa đất số 65; tờ bản đồ số 7D-I-A-d, tỉ lệ 1/500 do Công ty địa chính Khánh Hòa thiết lập tháng 11/1998 được Sở Địa chính (nay là Sở Tài nguyên và Môi trường) xác nhận tháng 06/2011 (*tương ứng toàn bộ thửa đất số 469, tờ bản đồ số 03, bản đồ hiện trạng khu đất tỷ lệ 1/500 do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa thiết lập ngày 19/12/2013*) tại địa chỉ: 95A G, tổ 1 D, phường X, thành phố N.

Quyết định số 1270/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Trần Văn H và bà La Thị S có đất bị thu hồi thuộc dự án Chinh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, cụ thể: kinh phí bồi thường, hỗ trợ và khen thưởng là 1.688.566.000đ; hộ gia đình được cấp 01 lô đất theo quyết định cấp đất đính kèm.

Việc UBND thành phố N ban hành Quyết định số 1188/QĐ-UBND về việc thu hồi đất gồm 267,90m² của hộ ông Trần Văn H và bà La Thị S là không đúng pháp luật, bởi lẽ UBND thành phố N thu hồi đất của hộ ông Trần Văn H và bà La Thị S vì lợi ích công cộng, phát triển kinh tế, xã hội nhưng thực tế thu hồi để sử dụng vào mục đích kinh doanh, giao cho doanh nghiệp S kinh doanh thương mại và phân lô bán nền nên việc áp dụng phương án bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 1270/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 là không đúng, gây thiệt hại về quyền và lợi ích hợp pháp của hộ ông Trần Văn H và bà La Thị S.

Vì vậy, ông Trần Văn H và bà La Thị S yêu cầu hủy các Quyết định số 1188/QĐ-UBND và Quyết định số 1270/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố N.

Người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Dự án Chinh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N giai đoạn 1 đã được thu hồi đất theo Thông báo số 284/TB-UB ngày 01/7/2003

của UBND tỉnh Khánh Hòa. Trong đó, Khu dân cư C là một tiểu dự án thuộc dự án Chinh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N được UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư theo Quyết định số 1853/QĐ-UB ngày 31/10/2006.

Căn cứ Quyết định 1547/QĐ-UB ngày 30/5/2003 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Quy hoạch Chi tiết khu dân cư C, phường X, thành phố N, Quyết định số 110/QĐ-UB ngày 08/01/2004 phê duyệt dự án đầu tư: Chinh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái thành phố N - tỉnh Khánh Hòa, Quyết định số 1853/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2006 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc điều chỉnh Quyết định số 110/QĐ-UB phê duyệt dự án đầu tư: Chinh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái thành phố N - tỉnh Khánh Hòa, việc thu hồi đất để thực hiện dự án Chinh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N theo Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 19/01/2010 của UBND tỉnh Khánh Hòa là trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội theo quy định của Luật Đất đai.

Diện tích đất hộ ông Trần Văn H và bà La Thị S bị thu hồi là 267,90m² gồm một phần thửa đất số 65; tờ bản đồ số 7D-I-A-d, tỉ lệ 1/500 do Công ty địa chính Khánh Hòa thiết lập tháng 11/1998 được Sở Địa chính (nay là Sở Tài nguyên và Môi trường) xác nhận tháng 06/2011 (tương ứng toàn bộ thửa đất số 469, tờ bản đồ số 03, bản đồ hiện trạng khu đất tỷ lệ 1/500 do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa thiết lập ngày 19/12/2013) tại địa chỉ: 95A G, tổ 1 D, phường X, thành phố N nằm trong dự án Chinh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N (theo Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 19/01/2010 của UBND tỉnh Khánh Hòa).

Ngày 26/6/2015, Tổ công tác tiến hành kiểm kê khối lượng bồi thường giải tỏa thửa đất số 469, tờ bản đồ số 3, diện tích 267,90m² đối với hộ ông Trần Văn H và bà La Thị S (Tại biên bản kiểm đếm khối lượng bồi thường giải tỏa số 385/DH01/HĐBTHT&TĐC ngày 26/6/2015 có các thành phần theo đúng quy định đã ký biên bản, hộ ông Trần Văn H và bà La Thị S không ký biên bản theo Quyết định kiểm đếm bắt buộc số 2178/QĐ-UBND ngày 20/4/2015).

Ngày 01/10/2015, Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư tiến hành họp xét bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (Tại biên bản họp đợt 77, trong đó có hộ ông Trần Văn H và bà La Thị S, MSHS: 538).

Phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (có trường hợp của hộ ông Trần Văn H và bà La Thị S) được niêm yết tại trụ sở UBND phường X và trụ sở Tổ dân phố nơi có đất bị thu hồi từ ngày 26/10/2016 đến ngày 16/11/2016.

Căn cứ Quyết định 135/QĐ-UBND ngày 19/01/2010 của UBND tỉnh Khánh Hòa, điểm d khoản 3 Điều 62, điểm a khoản 2 Điều 66, Điều 69, Điều 74 Luật đất đai năm 2013, Điều 99 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Điều 6, Điều 13 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Thông báo số 197/TB-UBND ngày 17/4/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa. Ngày 11/3/2016, UBND thành phố N ban hành Quyết định số 1188/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với hộ ông Trần Văn H và bà La Thị S, đồng thời, UBND thành phố N căn cứ khoản 4 Điều 114 Luật Đất đai và giá đất cụ thể tại Quyết định số 790/QĐ-UBND ngày 03/4/2015 của UBND tỉnh để ban hành Quyết định số 1270/QĐ-UBND về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hộ ông Trần Văn H và bà La Thị S là đúng pháp luật nên đề nghị giữ nguyên các Quyết định.

Tại các đơn đề nghị đề ngày 05/7/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cụ T, các anh chị T1, L, T2, H1, N thống nhất với toàn bộ nội dung khởi kiện và quan điểm trình bày của người khởi kiện.

Với nội dung nêu trên,

Bản án Hành chính sơ thẩm số 13/2017/HC-ST ngày 16/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

- Căn cứ các Điều 62, 63, 66, 67, 69, 74, 75, 79, 82, 83, 84, 86, 88, 89, 90, 91, 114 và Điều 146 Luật Đất đai năm 2013; Điều 99 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; các Điều 6, 13, 19 và Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;
- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H và bà La Thị S yêu cầu hủy Quyết định số 1188/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc thu hồi đất đối với hộ ông Trần Văn H và bà La Thị S đang sử dụng để thực hiện dự án Chính trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N (Khu dân cư C, phường X) và Quyết định số 1270/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Trần Văn H và bà La Thị S có đất bị thu hồi thuộc dự án Chính trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái (Khu dân cư C, phường X, thành phố N).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo bản án.

Ngày 29/8/2017, ông Trần Văn H và bà La Thị S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ không đầy đủ; nhận định và quyết định không phù hợp thực tế và không khách quan nên đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Văn H và bà La Thị S không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX tuyên bác kháng cáo của ông Trần Văn H và bà La Thị S và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của những người tham gia tố tụng, người bảo vệ quyền lợi, ý kiến của Kiểm sát viên và sau khi nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn khởi kiện ngày 26/8/2016 và trình bày của ông Trần Văn H và bà La Thị S tại cấp sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm cho rằng: UBND thành phố N thu hồi diện tích đất 267,90 m², của một phần thửa đất số 65; tờ bản đồ số 7D-I-A-d, tỉ lệ 1/500 của gia đình ông Trần Văn H và bà La Thị S để sử dụng vào mục đích kinh doanh nhà ở của nhà đầu tư là Công ty Cổ phần S - N nhưng lại ra quyết định số 1188/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 thu hồi đất để phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích công cộng và với việc xác định mục đích thu hồi đất vì lợi ích công cộng nên Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 1270/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 không phù hợp, gây thiệt hại về quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông bà. Cho nên, ông Trần Văn H và bà La Thị S yêu cầu hủy Quyết định số 1188/QĐ-UBND và Quyết định số 1270/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 của UBND thành phố N.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn H và bà La Thị S:

[2.1] *Về yêu cầu hủy quyết định số 1188/QĐ-UBND ngày 11/3/2016.*

[2.1.1] Theo lời trình bày của ông H, bà S và người bảo vệ quyền lợi cho ông H, bà S và Quyết định số 1188/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc thu hồi đất; Quyết định số 1270/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 của UBND thành phố N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ

ông Trần Văn H và bà La Thị S, thể hiện: Diện tích đất của hộ ông H, bà S bị thu hồi 267,90 m², là một phần thửa đất số 65; tờ bản đồ số 7D-I-A-d, tỉ lệ 1/500 do Công ty địa chính Khánh Hòa thiết lập tháng 11/1998 được Sở Địa chính (nay là Sở Tài nguyên và Môi trường) xác nhận tháng 06/2011 (tương ứng toàn bộ thửa đất số 469, tờ bản đồ số 03, bản đồ hiện trạng khu đất tỷ lệ 1/500 do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa thiết lập ngày 19/12/2013) tại địa chỉ: 95A G, tổ 1 D, phường X, thành phố N nằm trong dự án Chính trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N (Khu dân cư C, phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa).

[2.1.2] Dự án Chính trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N (Khu dân cư C, phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa) được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận tại Công văn số 724/CP-CN ngày 30/5/2003: “*Chấp thuận về chủ trương đầu tư dự án chỉnh trang đô thị, cải tạo và nâng cấp cơ sở hạ tầng và xây dựng khu tái định cư hai bên bờ sông Cái thành phố N, tỉnh Khánh Hòa như đề nghị của UBND Tỉnh Khánh Hòa và ý kiến của các Bộ... Yêu cầu UBND tỉnh Khánh Hòa triển khai, thực hiện ...*”.

Trên cơ sở Công văn số 724/CP-CN của Chính phủ nêu trên, UBND tỉnh Khánh Hòa đã tiến hành triển khai thực hiện dự án và ban hành các quyết định:

+ Quyết định 1547/QĐ-UB ngày 30/5/2003 phê duyệt Quy hoạch Chi tiết khu dân cư C, phường X, thành phố N. Mục đích quy hoạch: “*Xây dựng khu dân cư hiện đại, đảm bảo môi trường sống và cảnh quan đô thị bên bờ sông Cái, thành phố N*”.

+ Thông báo thu hồi đất số 284/TB-UB ngày 01/7/2003 và Quyết định thu hồi đất số 2500 ngày 06/8/2003 của UBND tỉnh Khánh Hòa để thực hiện dự án Chính trang đô thị (*Giai đoạn I, trong đó khu dân cư C là tiểu dự án của dự án*).

+ Quyết định số 110/QĐ-UB ngày 08/01/2004 phê duyệt dự án đầu tư; với mục tiêu đầu tư: “- *Chỉnh trang đô thị, tái định cư nhân dân hai bên bờ sông Cái, cải tạo cảnh quan phù hợp với một thành phố du lịch- Khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường khu vực sông Cái- Cải thiện khả năng thoát lũ cửa sông Cái*”

+ Quyết định số 1853/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2006 về việc điều chỉnh Quyết định số 110/QĐ-UB phê duyệt dự án đầu tư Chính trang đô thị: *Điều chỉnh dự án gồm 16 tiểu dự án và thực hiện các tiểu dự án theo từng giai đoạn, thời gian từ năm 2005. Bao gồm: Các tiểu dự án kè, làm đường hai bên bờ sông Cái; xây dựng hạ tầng... và xây dựng khu dân cư, chung cư C, Ngọc Sơn.*

+ Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 19/01/2010 về việc điều chỉnh Điều I Quyết định thu hồi đất số 2500 ngày 06/8/2003 của UBND tỉnh Khánh Hòa điều chỉnh thu hồi đất tăng thêm 24.682,6 m².

Như vậy, với các quy định của pháp luật tại thời điểm triển khai dự án, phê duyệt dự án và mục tiêu của dự án: “- *Chỉnh trang đô thị, tái định cư nhân dân hai bên bờ sông Cái, cải tạo cảnh quan phù hợp với một thành phố du lịch- Khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường khu vực sông Cái- Cải thiện khả năng thoát lũ cửa sông Cái*” nêu trên, UBND thành phố N xác định thu hồi đất là để sử dụng vào mục đích lợi ích quốc gia và lợi ích công cộng là đúng theo quy định tại Điều 86 Luật đất đai năm 2003 và điểm d khoản 1 Điều 36 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ.

[2.2] Về yêu cầu hủy quyết định số 1270/QĐ-UBND ngày 11/3/2016:

[2.2.1] Quá trình thực hiện dự án này, UBND tỉnh Khánh Hòa đã thống nhất cho Công ty Cổ phần S - N thực hiện tiểu dự án xây dựng khu dân cư C, phường X theo thông báo số 509/TB-UBND ngày 29/11/2007, văn bản số 4721/UBND ngày 11/9/2009, văn bản số 4668/UBND-XDND ngày 06/9/2011, văn bản số 5436/UBND-XDND ngày 01/10/2012, Quyết định số 2831/QĐ-UBND ngày 12/11/2012 và Quyết định số 2971/QĐ-UBND ngày 06/11/2014.

[2.2.2] Khu dân cư C, phường X, thành phố N là một tiểu dự án nằm trong dự án Chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N vì “*mục đích lợi ích quốc gia và lợi ích công cộng*” đã được Chính phủ chấp thuận và được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt dự án theo đúng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 86 Luật đất đai năm 2003; sau khi dự án được quy hoạch và phê duyệt, UBND tỉnh Khánh Hòa đã thống nhất cho Công ty Cổ phần S - N thực hiện tiểu dự án xây dựng khu dân cư C theo quy định tại khoản 3 Điều 86 Luật đất đai năm 2003: “3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức việc lập và giao cho tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư để chỉnh trang hoặc xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới...”. Mặt khác, dự án Chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N của UBND tỉnh Khánh Hòa đã được phê duyệt, thông báo và đang thực hiện trước ngày 01/7/2014 (*ngày luật đất đai năm 2013 có hiệu lực thi hành*) nên theo quy định tại khoản 1 Điều 99 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Điều 5 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ thì dự án Chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N của UBND tỉnh Khánh Hòa được tiếp tục thực hiện: “*tiếp tục thực hiện theo phương án đã được phê*

duyet...”. Do đó, khởi kiện của ông Trần Văn H và bà La Thị S cho rằng việc thu hồi đất của gia đình bà để sử dụng vào mục đích kinh doanh nhà ở của nhà đầu tư là Công ty Cổ phần S-N không có căn cứ chấp nhận. Bên cạnh đó, phần diện tích đất thu hồi của gia đình ông Trần Văn H và bà La Thị S không có giấy tờ theo quy định của pháp luật và sau khi thu hồi đất thì UBND thành phố N đã bố trí tái định cư cho gia đình ông Trần Văn H và bà La Thị S 01 lô đất có diện tích 60m² (*Quyết định giao đất số 1281/QĐ-UBND ngày 11/3/2016*) không theo giá thị trường mà theo giá quy định của UBND tỉnh Khánh Hòa (*Quyết định số 790/QĐ-UBND ngày 03/4/2015*) là đã đảm bảo quyền lợi của gia đình ông Trần Văn H và bà La Thị S.

[3] Người bảo vệ quyền lợi cho ông Trần Văn H và bà La Thị S cho rằng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 36: “ *Sử dụng đất để chỉnh trang, phát triển đô thị và khu dân cư nông thôn*” của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 đã bị Điều 67 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ bãi bỏ nên việc thu hồi đất của UBND thành phố N với lý do sử dụng vào mục đích quốc gia, lợi ích công cộng là không đúng. Bên cạnh đó, khoản 7 Điều 36 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 và khoản 4 Điều 2 Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27/01/2006 của Chính phủ không cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ mục đích quốc gia, lợi ích công cộng sang mục đích kinh doanh nhà ở, đất ở nhưng UBND tỉnh Khánh Hòa giao cho Công ty Cổ phần S - N kinh doanh nhà ở, đất ở là trái pháp luật. HĐXX cấp phúc thẩm xét thấy ý kiến nêu trên của người bảo vệ quyền lợi của người khởi kiện không có cơ sở chấp nhận, vì lẽ:

[3.1] Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ có hiệu lực thi hành sau khi UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định 1547/QĐ-UB ngày 30/5/2003 phê duyệt: *Quy hoạch Chi tiết khu dân cư C, phường X, thành phố N*, Quyết định số 110/QĐ-UB ngày 08/01/2004 phê duyệt dự án đầu tư: *Chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái thành phố N - tỉnh Khánh Hòa*, Quyết định số 1853/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2006 về việc: *điều chỉnh Quyết định số 110/QĐ-UB phê duyệt dự án đầu tư Chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái thành phố N - tỉnh Khánh Hòa*, Quyết định số 2500/QĐ-UB ngày 06/8/2003 về việc thu hồi đất và thông báo số 284/TB-UB ngày 01/7/2003 về việc giải tỏa để thực hiện dự án Chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N.

[3.2] Diện tích đất của hộ ông H, bà S bị thu hồi 267,90 m² không nằm trong diện tích tăng thêm 24.682,6 m² theo Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 19/01/2010 của UBND tỉnh Khánh Hòa và như nhận định ở phần trên, dự án Chỉnh trang đô thị thành phố N của UBND tỉnh Khánh Hòa được tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

[3.3] Dự án Chính trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N đã được Chính phủ chấp thuận và được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt, với mục đích là để sử dụng vào mục đích lợi ích quốc gia và lợi ích công cộng; Khu dân cư C, phường X, thành phố N là một tiểu dự án nằm trong dự án này nên UBND tỉnh Khánh Hòa triển khai thực hiện dự án đã được phê duyệt, không phải chuyển mục đích từ: “*mục đích lợi ích quốc gia và lợi ích công cộng*” sang mục đích: “*kinh doanh nhà ở, đất ở*” như ý kiến của người bảo vệ quyền lợi của người khởi kiện.

[4] Trước khi UBND thành phố N ban hành Quyết định số 1188/QĐ-UBND và Quyết định số 1270/QĐ-UBND ngày 11/3/2016, UBND tỉnh Khánh Hòa đã có Thông báo về việc thu hồi đất; tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng đã tiến hành việc khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xây dựng phương án bồi thường hỗ trợ, tái định cư. Vì vậy, việc ban hành các Quyết định số 3594/QĐ-UBND và số 3628/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của UBND thành phố N là đúng trình tự, thẩm quyền theo quy định tại Điều 66, 67, 69 Luật Đất đai năm 2013 và phù hợp với nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giá bồi thường theo quy định tại các Điều 6, 13, 19, 20, 21, 22, 23 và Điều 24 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và đúng với quy định của các Điều 74, 75, 79, 82, 83, 84, 86, 88, 89, 90, 91 và Điều 114 Luật Đất đai năm 2013.

[5] Tại phiên tòa hôm nay, bà S còn có ý kiến cho rằng hộ của Bà ngoài 07 nhân khẩu được xác định thì còn có ông Trần Thanh L là con của Bà đã tách hộ riêng nhưng không được UBND thành phố N hỗ trợ tái định cư theo quy định; ý kiến của Bà S, HĐXX xét thấy: Bà S không có chứng minh ông Long là thành viên trong hộ của bà hoặc có hộ khẩu riêng tại thời điểm thu hồi đất; từ khi thu hồi đất đến nay ông Long cũng không có khiếu nại đến UBND thành phố N và trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm bà S và ông H không có ý kiến khiếu nại về trường hợp này. Do đó, chấp nhận ý kiến của người bảo vệ quyền lợi của người bị kiện, đó là: Trường hợp ông H, bà S hoặc ông L có đầy đủ tài liệu để chứng minh tại thời điểm thu hồi đất ông Long đã tách hộ riêng và còn ở chung với hộ ông H, bà S thì UBND thành phố N xem xét việc hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông H, bà S theo quy định. Trong trường hợp ông H, bà S hoặc ông Long không đồng ý với việc giải quyết của UBND thành phố N sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[6] *Về án phí*: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng Hành chính.

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Văn H và bà La Thị S và giữ y Bản án Hành chính sơ thẩm số 13/2017/HC-ST ngày 16/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, về việc “*Kiến Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất*”; giữa:

- Người khởi kiện: Ông Trần Văn H và bà La Thị S

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố N

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trần Văn H và bà La Thị S phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu số 0297 ngày 31/8/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

3. Quyết định còn lại của bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, HCTP, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Phước Thanh